

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Điều Thị Ngọc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 16 Bà Huyện Thanh Q, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 356 Hai Bà T, tổ 8, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Điều Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Trần Hữu P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, do nợ nần vợ chồng chị cãi nhau, anh P đánh đập chị phải nhập

viện. Mặc dù gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã động viên, hòa giải để vợ chồng về sống với nhau, nhưng hiện nay vợ chồng chị không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, hiện chị và anh P sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Do vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hữu P.

Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu B và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm điều dưỡng tại phòng khám tư nhân lương 4.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Hữu P trình bày: Anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/3/2016 như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc cũng có xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng, anh tính tình nóng nảy nên cũng có những lúc không kiềm chế được hành vi của anh nên có đánh chị T. Anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh P và chị T có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh có nguyện vọng nuôi cháu B, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho cháu B là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và tự lập được, vì hiện nay anh làm ở Ban chỉ huy quân sự phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lương 3.300.000 đồng/tháng và ngoài ra anh còn có thu nhập khác từ việc lái xe taxi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị Ngọc T, về hôn nhân: chị Điều Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Hữu P, về con chung: giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B thành niên, hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của anh P về việc cấp dưỡng hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi

cháu B thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Điều Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu P, sinh năm 1988; địa chỉ: 356 Hai Bà T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điều Thị Ngọc T và anh Trần Hữu P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Qua kết quả xác minh tại nơi anh chị cư trú thì anh chị có mâu thuẫn trầm trọng, anh P có hành vi đánh đập chị T phải nhập viện, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016, anh P và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cháu B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”, xét thấy, hiện nay cháu B dưới 36 tháng tuổi chưa thể tự chăm sóc cho bản thân nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu B, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu B hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của anh P.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị Ngọc T, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chị Điều Thị Ngọc T ly hôn với anh Trần Hữu P.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Điều Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Hữu P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho cháu Trần Gia B, sinh ngày 09/10/2016, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu B thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Điều Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001498 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Hữu P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu